

Vai trò của quần chúng nhân dân trong quản trị quốc gia ở Việt Nam hiện nay

Ngày nhận bài: 12/05/2026 | Ngày phản biện: 18/05/2026 | Ngày xuất bản: 17/08/2026

Tác giả: Đỗ Thị Thu Hương (Trường Đại học Hùng Vương)

Tóm tắt: Trong bối cảnh Đại hội XIV của Đảng xác lập “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, phát huy vai trò của quần chúng nhân dân trong quản trị quốc gia không chỉ là mệnh đề lý luận mà đã trở thành yêu cầu thực tiễn cấp thiết. Bài viết luận giải cơ sở lý luận của quản trị quốc gia hiện đại, trong đó làm rõ khái niệm “quản trị quốc gia hiện đại” và “vai trò của Nhân dân trong quản trị quốc gia hiện đại”; khẳng định sự tham gia của Nhân dân là tất yếu khách quan xuất phát từ bản chất quyền lực nhà nước; phân tích vai trò chủ thể xuyên suốt của Nhân dân trong chu kỳ quản trị quốc gia khép kín từ hoạch định, thực thi, giám sát đến thụ hưởng; đánh giá quá trình thể chế hóa chủ quyền nhân dân qua hệ thống pháp luật Việt Nam; đồng thời khảo sát thực tiễn tham gia của công dân thông qua dữ liệu Chỉ số PAPI (2020 - 2024). Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất năm khuyến nghị mang tính đổi mới và nâng cao nhằm hiện thực hóa phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, góp phần xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả, lấy nhân dân làm trung tâm.

1. Đặt vấn đề

Trong dòng chảy lịch sử tư tưởng chính trị, mối tương quan giữa chủ thể cai trị và người bị cai trị luôn là hạt nhân cốt lõi của mọi học thuyết về Nhà nước. Triết học Mác - Lênin đã khẳng định: quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo chân chính của lịch sử, là lực lượng quyết định sự vận động và phát triển của xã hội. Kế thừa và vận dụng sáng tạo chân lý đó, Đại hội XIII của Đảng đã tạo nên bước ngoặt lý luận quan trọng khi lần đầu tiên đưa ra chủ trương “đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh hiệu quả”. Tinh thần đó tiếp tục được Đại hội XIV phát triển và nâng tầm khi xác lập nhân dân là nguồn lực nội sinh quan trọng nhất trong “Kỷ nguyên vươn

mình của dân tộc”.

Sự chuyển dịch từ mô hình “cai trị” (ruling) sang “quản trị” (governance) không phải là thay đổi thuần túy về khái niệm, mà phản ánh sự vận động tất yếu của lịch sử theo chiều hướng ngày càng đề cao vai trò của quần chúng trong việc quyết định vận mệnh quốc gia. Trong mô hình quản trị hiện đại, sự độc tôn của bộ máy nhà nước dần được thay thế bằng sự hợp tác đa chủ thể, nơi tiếng nói của người dân không chỉ được lắng nghe mà còn trở thành tiêu chí căn bản để đánh giá tính chính danh và năng lực vận hành của toàn bộ hệ thống chính trị. Sự tham gia của Nhân dân được khẳng định là điều kiện tất yếu, xuất phát từ bản chất của quyền lực nhà nước: quyền lực đó vốn thuộc về nhân dân, nhà nước chỉ là người được nhân dân ủy quyền thực thi các công việc chung của quốc gia.

Xuất phát từ bối cảnh đó, bài viết tập trung: (1) luận giải cơ sở lý luận của quản trị quốc gia hiện đại, trong đó làm rõ các khái niệm cốt lõi và vai trò chủ thể của Nhân dân; (2) phân tích vai trò của Nhân dân trong chu kỳ quản trị quốc gia khép kín; (3) đánh giá thực trạng thể chế hóa và thực thi quyền làm chủ của Nhân dân; (4) đề xuất các khuyến nghị đổi mới và nâng cao nhằm phát huy tối đa vai trò của quần chúng nhân dân. Câu hỏi nghiên cứu then chốt được đặt ra là: nhân dân tham gia vào quản trị quốc gia với tư cách gì, qua những phương thức nào và thực trạng hiệu quả của sự tham gia đó ở Việt Nam hiện nay ra sao?

2. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết vấn đề nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện, bài viết vận dụng hệ phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử - nền tảng lý luận căn bản của triết học Mác - Lênin - nhằm phân tích mối quan hệ tương tác biện chứng giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ. Trên nền tảng đó, nghiên cứu kết hợp cách tiếp cận dựa trên quyền con người và nguyên tắc chủ quyền nhân dân của chủ nghĩa lập hiến để khẳng định vị thế trung tâm của người dân trong mô hình quản trị hiện đại.

Về phương pháp cụ thể, phương pháp phân tích tài liệu được sử dụng để khảo cứu các Văn kiện Đại hội Đảng (đặc biệt là Đại hội XIII và XIV), Hiến pháp 2013 cùng Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, từ đó làm rõ quá trình thể chế hóa quyền làm

chủ của Nhân dân. Song song với đó, phương pháp thống kê và so sánh được áp dụng đối với dữ liệu từ Chỉ số PAPI (2020–2024) nhằm nhận diện những chuyển biến và “điểm nghẽn” trong thực trạng tham gia chính trị của công dân.

Xét về phạm vi, nghiên cứu tập trung vào vai trò chủ thể của Nhân dân xuyên suốt toàn bộ chu kỳ quản trị quốc gia khép kín: từ khâu hoạch định, thực thi cho đến giám sát và thụ hưởng chính sách. Để bảo đảm tính khách quan và chuẩn mực học thuật, bài viết sử dụng hệ tiêu chí về “quản trị tốt” của Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) làm khung tham chiếu khoa học.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Cơ sở lý luận về quản trị quốc gia hiện đại và vai trò tất yếu của Nhân dân

Khái niệm “quản trị quốc gia hiện đại”

“Quản trị quốc gia” (national governance) là một khái niệm đa chiều, phản ánh sự chuyển biến căn bản trong tư duy tổ chức và điều hành quyền lực công. Nếu mô hình “cai trị” (government/ruling) truyền thống đặt nhà nước ở vị trí độc tôn, coi người dân là đối tượng thụ động chịu sự quản lý từ trên xuống, thì “quản trị” (governance) hiện đại xác lập mô hình đa chủ thể, nơi nhà nước, nhân dân và các tổ chức đại diện cùng tham gia vào quá trình ra quyết định, thực thi và giám sát quyền lực công.

Về mặt lý luận quốc tế, Ngân hàng Thế giới (WB) định nghĩa “quản trị tốt” (good governance) bao gồm sáu tiêu chí cốt lõi: (1) tiếng nói và trách nhiệm giải trình; (2) ổn định chính trị và không bạo lực; (3) hiệu quả của chính phủ; (4) chất lượng quy định pháp luật; (5) pháp quyền và (6) kiểm soát tham nhũng (World Bank, 1992). Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) bổ sung thêm nguyên tắc “sự tham gia” (participation) như một yếu tố bắt buộc, khẳng định rằng không có quản trị hiện đại nếu thiếu sự tham gia thực chất của Nhân dân (ADB, 1995). Như vậy, sự tham gia của Nhân dân không phải là yếu tố ngoại sinh được ban phát hay tùy tiện áp dụng, mà là điều kiện nội tại cấu thành bản chất của quản trị quốc gia hiện đại.

Ở Việt Nam, “quản trị quốc gia hiện đại” được hiểu là phương thức tổ chức và điều hành quyền lực nhà nước theo các nguyên tắc: minh bạch, trách nhiệm giải trình, pháp quyền, hiệu quả và có sự tham gia thực chất của Nhân dân – dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là mô hình quản trị vừa tiếp thu có chọn lọc các chuẩn mực quốc tế tiên tiến, vừa bảo đảm tính đặc thù của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đại hội XIV của Đảng đã cụ thể hóa yêu cầu này khi xác định: “xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả” và “xây dựng hệ thống quản lý nhà nước, quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả, phục vụ và kiến tạo phát triển” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr.126, 129). Đặc biệt, mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước phải lấy việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, hạnh phúc và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr.121).

Tiếp cận từ phương diện chủ nghĩa lập hiến, nguyên tắc “chủ quyền Nhân dân” (popular sovereignty) là nền tảng bất khả xâm phạm của mọi nhà nước pháp quyền. Quyền lực nhà nước không tự sinh ra trong bộ máy nhà nước mà có nguồn gốc từ ý chí của Nhân dân được thể hiện qua Hiến pháp. Do đó, sự tham gia của Nhân dân vào quản trị quốc gia không phải là đặc ân hay quyền được trao, mà là quyền lực vốn có của chủ thể ủy quyền đối với người được ủy quyền. Nhà nước mất tính chính danh nếu tách rời hoặc cắt đứt kênh tham gia và giám sát của Nhân dân.

Khái niệm “vai trò của Nhân dân trong quản trị quốc gia hiện đại”

“Vai trò của Nhân dân trong quản trị quốc gia hiện đại” được xác định là vị trí, chức năng và mức độ ảnh hưởng của Nhân dân – với tư cách là chủ thể quyền lực, không phải là đối tượng bị quản lý – trong toàn bộ quá trình vận hành của hệ thống quản trị nhà nước. Đây là khái niệm có ba chiều cạnh cốt lõi, cần được làm rõ trước khi đi vào phân tích thực tiễn:

Về chiều cạnh chính trị: nhân dân là nguồn gốc và chủ thể ủy quyền của mọi quyền lực nhà nước. Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân” (Điều 2). Điều này có nghĩa quyền lực nhà nước không phải là quyền lực tự có của bộ máy cầm quyền, mà là quyền lực được ủy thác có giới hạn, có kiểm soát và có trách nhiệm giải trình trước nhân dân.

Về chiều cạnh quản lý: nhân dân tham gia trực tiếp và gián tiếp vào quá trình hoạch định, thực thi và giám sát chính sách công. Theo Trần Thái Dương (2022): “Nhân dân là khái niệm tập hợp đông đảo, thống nhất tất cả những cá nhân trong cộng đồng quốc gia, là tập thể người rộng lớn nhất và là chủ thể quan trọng đầu tiên của quan hệ pháp luật hiến pháp” (tr. 84). Trong vai trò quản lý, nhân dân không chỉ là người hưởng thụ dịch vụ công mà còn là người phản biện, giám sát và điều chỉnh chính sách qua các kênh tham gia được thể chế hóa.

Về chiều cạnh thụ hưởng: nhân dân là mục tiêu tối thượng và thước đo hiệu quả cuối cùng của nền quản trị. Đây là chiều cạnh gắn liền với chất lượng cuộc sống thực tế của người dân - điều mà Đại hội XIV của Đảng đã xác định là “lấy sự hài lòng và tín nhiệm của người dân, doanh nghiệp và hiệu quả công việc làm tiêu chí đánh giá cán bộ” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr. 22).

Về mặt lý luận Mác - Lênin, vai trò đó bắt nguồn từ luận điểm nền tảng: “Quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo chân chính của lịch sử”, trong đó sự tham gia của Nhân dân không chỉ là yêu cầu đạo đức chính trị mà còn là quy luật vận động tất yếu của xã hội. V.I. Lênin phát triển thêm: “Chủ nghĩa xã hội sống động, sáng tạo là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân” (Lênin, 1974, tr. 64). Kế thừa chân lý đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân” (Hồ Chí Minh, 2011, tr. 453).

Vai trò của Nhân dân trong chu kỳ quản trị quốc gia khép kín

Một đóng góp lý luận quan trọng của nghiên cứu này là tiếp cận vai trò của Nhân dân theo mô hình “chu kỳ quản trị quốc gia khép kín”, gồm bốn giai đoạn liên hoàn: (1) hoạch định chính sách, (2) thực thi chính sách, (3) giám sát và kiểm tra và (4) thụ hưởng thành quả. Trong mỗi giai đoạn này, nhân dân không phải là nhân tố bên ngoài hay khách thể thụ động, mà là chủ thể tích cực tác động và quyết định chất lượng của toàn bộ chu kỳ.

Ở khâu hoạch định: nhân dân tham gia đề xuất, phản biện và góp ý vào các văn bản pháp luật, chính sách, quy hoạch. Đây là giai đoạn nhân dân thực hiện quyền “Dân bàn” - bảo đảm chính sách phản ánh đúng nguyện vọng và lợi ích của cộng đồng.

Ở khâu thực thi: nhân dân là lực lượng thi hành chính sách, đồng thời phản hồi về hiệu quả triển khai. Quyền “Dân làm” không chỉ là nghĩa vụ mà là sự chủ động tham gia vào quá trình hiện thực hóa chính sách, tạo ra sức mạnh đồng thuận xã hội không thể thay thế.

Ở khâu giám sát và kiểm tra: Đây là chức năng kiểm soát quyền lực quan trọng nhất của Nhân dân. Quyền “Dân kiểm tra, Dân giám sát” bảo đảm rằng bộ máy nhà nước không lạm dụng quyền được ủy thác. Không có cơ chế giám sát thực chất của Nhân dân, trách nhiệm giải trình chỉ là hình thức.

Ở khâu thụ hưởng: Quyền “Dân thụ hưởng” xác lập tiêu chí đánh giá cuối cùng của mọi hoạt động quản trị – mức độ hài lòng và phúc lợi thực sự của người dân. Nếu thụ hưởng chưa đạt kỳ vọng, nhân dân có căn cứ để tiếp tục phản biện, đề xuất điều chỉnh chính sách ở chu kỳ hoạch định tiếp theo.

Như vậy, chu kỳ quản trị khép kín với nhân dân là chủ thể xuyên suốt là sự hiện thực hóa đầy đủ nhất phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” – tạo thành một vòng phản hồi liên tục, không ngắt quãng.

3.1.2. Nhân dân được khẳng định là chủ thể tối cao và lực lượng sáng tạo lịch sử

Theo quan điểm của triết học Mác, quần chúng nhân dân là lực lượng làm nên lịch sử. Không chỉ trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất vật chất, họ còn là chủ thể sáng tạo các giá trị văn hóa và tinh thần của xã hội. Trong mọi giai đoạn phát triển của lịch sử, vai trò của quần chúng nhân dân luôn mang ý nghĩa nền tảng, quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người. V.I. Lênin phát triển thêm: “Chủ nghĩa xã hội sống động, sáng tạo là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân” (Lênin, 1974, tr.64). Kế thừa chân lý đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân” (Hồ Chí Minh, 2011, tr. 453); “Dễ mười lần không dân cũng chịu / Khó trăm lần dân liệu cũng xong” (Hồ Chí Minh, 2011, tr. 280).

Trong mô hình quản trị quốc gia hiện đại, nhân dân không còn là đối tượng thụ động mà là chủ thể tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước. Mọi quyền lực nhà nước thực chất là quyền lực được nhân dân ủy quyền thông qua Hiến pháp để thực thi các công việc chung của quốc gia. Đây không phải là sự ủy quyền vô điều kiện mà là ủy

quyền có giới hạn, có kiểm soát và có trách nhiệm giải trình (Trần Thái Dương, 2022, tr. 84).

Tinh thần Đại hội XIV của Đảng đã nâng tầm nhận thức này khi xác lập vị trí của Nhân dân trong “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, khẳng định nhân dân là nguồn lực nội sinh quan trọng nhất. Đại hội XIV quán triệt sâu sắc quan điểm “Dân là gốc” và nhấn mạnh: “Lấy sự hài lòng và tín nhiệm của người dân, doanh nghiệp và hiệu quả công việc làm tiêu chí đánh giá cán bộ” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr. 22).

3.1.3. Chủ quyền nhân dân được thể chế hóa ngày càng hoàn thiện trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Hệ thống pháp luật Việt Nam đã có những bước tiến dài trong việc chuyển hóa các nguyên lý triết học của chủ nghĩa duy vật lịch sử thành quy phạm thực định. Điều 2, khoản 1 Hiến pháp năm 2013 xác lập nền tảng pháp lý tối cao: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân...” (Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, số 28/2013/QH13, Điều 2, khoản 1). Đây không chỉ là tuyên ngôn chính trị mà còn là nguyên tắc tổ chức vận hành toàn bộ bộ máy nhà nước, đặt ra yêu cầu bắt buộc về trách nhiệm giải trình của mọi thiết chế quyền lực.

Dấu mốc quan trọng nhất trong việc hiện thực hóa dân chủ trực tiếp chính là sự ra đời của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022. Luật đã cụ thể hóa phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” thành các quy định bắt buộc có tính cưỡng chế pháp lý. Đặc biệt, phạm vi công khai thông tin đã được mở rộng đáng kể với 14 nhóm nội dung bắt buộc phải công khai tại cấp xã, bao gồm cả các vấn đề nhạy cảm như quản lý tài sản công, thu hồi đất và ngân sách địa phương (Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, số 10/2022/QH15, Điều 11). Việc thể chế hóa quyền “Dân thụ hưởng” và “Dân giám sát” đã tạo hành lang pháp lý chặt chẽ để kiểm soát quyền lực, buộc bộ máy quản trị phải chuyển đổi căn bản từ tư duy “ban phát” sang tư duy “phục vụ”.

Đảng ta đã xác lập yêu cầu cụ thể về cơ chế tham gia của Nhân dân: “Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Có cơ chế phù hợp,

thuận lợi và tin cậy để nhân dân tham gia ý kiến vào quá trình hoạch định đường lối, chính sách, quyết định những vấn đề lớn và quan trọng của đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr. 121).

3.1.4. Thực trạng tham gia của Nhân dân qua Chỉ số PAPI (2020 - 2024)

Phân tích dữ liệu thực chứng từ Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) giai đoạn 2020–2024 cho phép nhận diện rõ nét những chuyển biến và “điểm nghẽn” trong thực trạng tham gia của công dân vào quản trị quốc gia.

Thứ nhất, về sự tham gia tại cấp cơ sở: Điểm trung bình chung về sự tham gia của người dân ở cơ sở đạt khoảng 4,99/10 điểm (CECODES et al., 2023). Điểm sáng lớn nhất là chiều kích “Tham gia tự nguyện”, với khoảng 50% người dân xác nhận sẵn sàng đóng góp tiền bạc, ngày công hoặc hiện vật cho các công trình hạ tầng địa phương khi thấy được lợi ích cộng đồng rõ ràng.

Thứ hai, về tính công khai, minh bạch: Chỉ số về công khai, minh bạch đạt mức 5,46 điểm. Việc tiếp cận thông tin về danh sách hộ nghèo và ngân sách cấp xã có xu hướng tích cực hơn nhờ sự hỗ trợ của các nền tảng số (Phạm Thị Diễm, 2023).

Thứ ba, về những “điểm nghẽn” tồn tại: Tỷ lệ người dân được tham vấn về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chỉ từ 5,2% đến 5,44%, thậm chí có xu hướng sụt giảm so với thập kỷ trước từ 33,85% năm 2011 xuống còn 28,48% năm 2022 (Phạm Thị Diễm, 2023). Điều này cho thấy tình trạng “dân chủ hình thức” vẫn còn hiện hữu trong các vấn đề liên quan đến lợi ích kinh tế lớn.

Thứ tư, về khoảng cách trong quản trị điện tử: Chỉ số quản trị điện tử (E-governance) vẫn đạt mức thấp nhất trong 8 trục nội dung của PAPI, trung bình chỉ 2,98/10 điểm (CECODES et al., 2023). Kết quả này phản ánh thách thức về năng lực tiếp cận công nghệ số của một bộ phận quần chúng nhân dân và tính thiếu đồng bộ của các cổng dịch vụ công trực tuyến trong việc tương tác thực chất với công dân.

Kết quả nghiên cứu cho thấy vai trò của Nhân dân đã được khẳng định vững chắc về mặt lý luận và ngày càng hoàn thiện về mặt pháp lý. Tuy nhiên, thực tiễn quản trị tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hóa giải mâu thuẫn giữa “quyền năng pháp lý” và

“năng lực thực tế” của người dân, đòi hỏi những đột phá mạnh mẽ hơn về trách nhiệm giải trình của chính quyền theo đúng tinh thần Đại hội XIV.

3.2. Thảo luận

3.2.1. Nhân dân là chủ thể trung tâm và động lực nội sinh trong “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”

Một trong những luận điểm quan trọng nhất nảy sinh từ tinh thần Đại hội XIV của Đảng là việc xác lập vị trí của Nhân dân trong “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”. Xét về mặt triết học duy vật lịch sử, quần chúng nhân dân luôn là lực lượng sáng tạo ra lịch sử, nhưng trong mô hình quản trị quốc gia hiện đại, vai trò này được nâng tầm từ đối tượng chịu tác động thành chủ thể quyết định sự thành bại của chính sách.

Đại hội XIV không chỉ kế thừa mà còn phát triển sâu sắc tư duy quản trị lấy dân làm gốc, khẳng định: “Phát huy vai trò của Nhân dân tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh toàn diện. Thực hiện nguyên tắc Đảng gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về các quyết định của mình” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr. 121). Khi người dân thấy mình được tôn trọng và có quyền can thiệp vào quy trình chính trị, họ sẽ chuyển từ trạng thái “thụ động chấp hành” sang “chủ động cống hiến”, tạo ra sức mạnh tổng lực để đất nước bứt phá.

3.2.2. Cơ chế tham gia và trách nhiệm giải trình - điều kiện tiên quyết của quản trị hiện đại

Triết học quản trị hiện đại yêu cầu sự dịch chuyển từ mô hình đơn chủ thể (Nhà nước) sang mô hình đa chủ thể có sự tham gia đầy đủ, thực chất của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức nhân dân và từng công dân. Đặc biệt, trong điều kiện Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội giữ vai trò cầu nối không thể thay thế giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân - đây là “hệ thống phản biện xã hội có tổ chức” mang bản sắc đặc thù của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quản trị quốc gia hiệu quả không đo lường bằng số lượng văn bản được ban hành, mà bằng việc những văn bản đó có thực sự mang lại hạnh phúc, ấm no và sự an tâm cho

người dân hay không. Việc thắt chặt mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân trong kỷ nguyên mới đòi hỏi mỗi cán bộ phải chuyển đổi từ tư duy “ban phát” sang tư duy “phục vụ”, lấy sự tín nhiệm của cộng đồng làm danh dự và thước đo giá trị của chính mình.

3.2.3. Hóa giải tình trạng “dân chủ hình thức” và khoảng cách dân chủ số

Dù các kết quả nghiên cứu ghi nhận sự cải thiện đáng kể, tình trạng dân chủ hình thức - đặc biệt trong lĩnh vực quy hoạch đất đai - vẫn là một “điểm nghẽn” nghiêm trọng giữa lý luận và thực tiễn. Nguyên nhân sâu xa nằm ở tư duy quan liêu chưa được gột rửa triệt để, khiến việc thực hiện phương châm “Dân bàn, Dân kiểm tra” đôi khi chỉ là công đoạn hợp thức hóa các quyết định đã có sẵn.

Tinh thần Đại hội XIV của Đảng yêu cầu phải kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện dân chủ cực đoan hoặc dân chủ hình thức, đồng thời xác lập yêu cầu: “nêu cao trách nhiệm tiếp thu, trách nhiệm thông tin, giải trình của các cơ quan Đảng, Nhà nước đối với những kiến nghị, đề xuất của Nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr.121).

Bên cạnh đó, sự bùng nổ của chuyển đổi số đang mở ra những không gian dân chủ trực tuyến mới, nhưng cũng đặt ra thách thức về khoảng cách năng lực số giữa các tầng lớp nhân dân. Quản trị quốc gia hiện đại sẽ trở thành “đặc quyền” của một nhóm người nếu Nhà nước không đẩy mạnh phổ cập kỹ năng số để mọi tầng lớp quần chúng đều có khả năng tiếp cận thông tin và giám sát chính quyền trên không gian mạng.

4. Kết luận và khuyến nghị

4.1. Kết luận

Nghiên cứu về vai trò của quần chúng nhân dân trong quản trị quốc gia tại Việt Nam hiện nay cho phép rút ra những kết luận như sau:

Thứ nhất, sự tham gia của Nhân dân vào quản trị quốc gia là tất yếu khách quan, không phải là sự ban phát. Xuất phát từ bản chất của quyền lực nhà nước - quyền lực đó thuộc về nhân dân và chỉ được nhà nước thực thi thông qua ủy quyền - thì sự tham gia, giám sát và thụ hưởng của Nhân dân là quyền lực chính đáng, vốn có của chủ thể ủy quyền. Mọi mô hình quản trị từ chối hoặc hạn chế sự tham gia này đều đi ngược lại

nguyên tắc chủ quyền nhân dân và làm suy yếu tính chính danh của quyền lực nhà nước.

Thứ hai, Nhân dân là chủ thể xuyên suốt toàn bộ chu kỳ quản trị quốc gia khép kín. Từ hoạch định, thực thi, giám sát đến thụ hưởng, nhân dân là nhân tố quyết định chất lượng của từng khâu. Đây là cách hiểu đầy đủ và nhất quán nhất về phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” theo tinh thần Đại hội XIV.

Thứ ba, thể chế hóa dân chủ đã có bước tiến dài nhưng chưa đồng bộ. Hiến pháp 2013 và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 đã tạo lập hành lang pháp lý vững chắc. Tuy nhiên, dữ liệu PAPI cho thấy vẫn còn khoảng cách giữa lý luận và thực thi, đặc biệt trong các lĩnh vực đất đai và quản trị điện tử.

Thứ tư, quần chúng nhân dân là nhân tố quyết định sự thành bại của các đột phá chiến lược. Mọi quyết sách về thể chế, hạ tầng hay nguồn nhân lực chỉ thực sự phát huy tác dụng khi nhận được sự đồng thuận và tham gia chủ động từ phía quần chúng. “Thế trận lòng dân” vững chắc chính là nền tảng cốt lõi để bảo đảm an ninh quốc gia và phát triển bền vững.

4.2. Khuyến nghị phát huy vai trò của Nhân dân trong quản trị quốc gia

Thứ nhất, nâng tầm cơ chế phản hồi chính sách lên cấp quốc gia với ràng buộc thủ tục pháp lý thực chất. Mặc dù Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 đã quy định nghĩa vụ công khai, giải trình ở cấp cơ sở, song cơ chế này chưa được áp dụng đầy đủ ở tầm chính sách quốc gia. Khuyến nghị bổ sung vào Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: văn bản quy phạm pháp luật chỉ đủ điều kiện trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khi cơ quan chủ trì soạn thảo đã hoàn thành và công bố công khai báo cáo giải trình toàn bộ ý kiến tham vấn nhân dân – có xác nhận độc lập từ một cơ quan kiểm tra chất lượng tham vấn. Đây là bước nâng cao so với quy định hiện hành: từ “nghĩa vụ có kết quả” sang “điều kiện thủ tục bắt buộc” có tính cưỡng chế pháp lý rõ ràng hơn.

Thứ hai, nâng cấp phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc từ “có giá trị tham khảo” lên “có giá trị ràng buộc thủ tục”. Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-

CP-ĐCTUBTWMTTQVN đã cho phép Mặt trận Tổ quốc yêu cầu cơ quan soạn thảo giải trình, song chưa xác lập hệ quả pháp lý cụ thể khi cơ quan soạn thảo không thực hiện hoặc giải trình chiếu lệ. Khuyến nghị bổ sung vào Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nguyên tắc: văn bản quy phạm pháp luật thuộc diện bắt buộc lấy phản biện xã hội, nếu chưa hoàn thành thủ tục giải trình theo quy định, thì chưa đủ điều kiện trình cơ quan có thẩm quyền thông qua. Đây là bước chuyển quyết định, biến phản biện xã hội thành điều kiện pháp lý thực chất, xứng tầm với vai trò hiến định của Mặt trận Tổ quốc.

Thứ ba, thể chế hóa Chỉ số hài lòng của người dân như một thước đo đánh giá hiệu quả chính quyền địa phương có chế tài nhân sự rõ ràng. Tư tưởng “lấy sự hài lòng của người dân làm tiêu chí đánh giá cán bộ” của Văn kiện Đại hội XIV cần được hiện thực hóa bằng cơ chế đo lường độc lập, minh bạch. Cụ thể, cần đưa Chỉ số PAPI vào hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp, với ngưỡng tối thiểu bắt buộc và hệ quả pháp lý rõ ràng đối với các địa phương có chỉ số thấp liên tục. Đây là cơ chế hiện chưa được vận hành đồng bộ trong hệ thống đánh giá cán bộ hiện nay và là điểm đổi mới quan trọng cần được thể chế hóa.

Thứ tư, thiết lập nền tảng tham chính số quốc gia (Cổng tham vấn chính sách trực tuyến quốc gia) tách biệt với cổng dịch vụ công hiện có. Chỉ số quản trị điện tử trong PAPI chỉ đạt 2,98/10 điểm cho thấy các chương trình chuyển đổi số quốc gia (Quyết định 749/QĐ-TTg) và Đề án 06 mới dừng ở số hóa dịch vụ công, chưa phải số hóa quyền tham chính. Nền tảng mới cần đáp ứng ba yêu cầu: (1) mọi dự thảo văn bản pháp luật và chính sách quan trọng đều phải đăng tải lấy ý kiến công dân theo thời hạn xác định, có hệ thống phân loại và tổng hợp ý kiến tự động; (2) nhân dân có quyền đặt câu hỏi trực tuyến và cơ quan nhà nước có nghĩa vụ trả lời công khai trong thời hạn luật định; (3) giao diện phải được thiết kế đa ngôn ngữ, thân thiện với người cao tuổi và đồng bào dân tộc thiểu số.

Thứ năm, nâng chuẩn Cổng dữ liệu mở quốc gia lên mức minh bạch tài chính công có thể giám sát thực chất theo tiêu chuẩn quốc tế. Mặc dù Cổng dữ liệu quốc gia data.gov.vn đã được vận hành từ năm 2019 theo Quyết định 17/2019/QĐ-TTg, phạm vi và chất lượng dữ liệu hiện còn rất hạn chế, đặc biệt thiếu dữ liệu ngân sách, đầu tư công và đấu thầu theo thời gian thực. Khuyến nghị ban hành quy định bắt buộc toàn bộ thông tin về ngân sách nhà nước, phân bổ vốn đầu tư công, kết quả đấu thầu và

tình hình thực hiện hợp đồng phải được công bố theo Chuẩn dữ liệu hợp đồng mở quốc tế (Open Contracting Data Standard - OCDS) trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ khi phát sinh; đồng thời bổ sung vào pháp luật về ngân sách nhà nước quyền của công dân được yêu cầu giải trình về bất kỳ khoản chi ngân sách nào. Đây là bước chuyển từ quyền tiếp cận thông tin thụ động sang quyền giám sát tài chính công chủ động./.

Tài liệu tham khảo

1. C. Mác & Ph. Ăngghen. (1995). Toàn tập. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật. tập 4.
2. CECODES, RTA, & UNDP. (2023). Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) năm 2022. UNDP.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật. tập I.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật. tập I.
5. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Số 28/2013/QH13, 2013). Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. <https://vanban.chinhphu.vn>
6. Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật. tập 15.
7. Hoàng Phúc Lâm. (2023). Một số giải pháp tăng cường sự tham gia của công dân trong hoạch định chính sách công. Tạp chí Lãnh đạo và Chính sách, (2), 3 - 8.
8. Lênin, V. I. (1974). Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. tập 35.
9. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (Số 10/2022/QH15, 2022). Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. <https://vanban.chinhphu.vn>
10. Phạm Thị Diễm. (2023). Sự tham gia của người dân vào quy trình chính sách hướng tới mục tiêu quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả. Tạp chí Lý luận chính trị, (545). <https://lyluanchinhtri.vn/su-tham-gia-cua-nguoi-dan-vao-quy-trinh-chinh-sach-huong-toi-muc-tieu-quan-tri-quoc-gia-hien-dai-hieu-qua-5307.html>
11. Trần Thái Dương. (2022). Quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh ở Việt Nam hiện nay. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, (1), 84–94.
12. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, & Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. (2017). Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15 tháng 6 năm 2017 quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
13. ADB - Asian Development Bank. (1995). Governance: Sound Development Management. ADB. <https://www.adb.org>
- World Bank. (1992). Governance and Development. World Bank. <https://www.worldbank.org>

